

# Thực hiện đổi mới quản trị giáo dục ở Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 71 của Bộ Chính trị

19/01/2026 10:00

**TS TRẦN THỊ HÀ GIANG**

*Khoa Triết học, Đại học Sư phạm Hà Nội*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích những vấn đề quản trị giáo dục ở Việt Nam; đánh giá thực trạng các thành tựu và hạn chế hiện nay. Trên cơ sở đó, đề xuất một số định giải pháp nhằm hiện thực hóa đổi mới quản trị giáo dục ở Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW của Bộ Chính trị.



*Tổng Bí thư Tô Lâm thăm Phòng thực hành giáo dục STEM của Trường Trung học cơ sở Cầu Giấy, quận Cầu Giấy\_Ảnh: TTXVN*

## 1. Mở đầu

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 - 8 - 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo ra đời là một dấu mốc quan trọng, tạo ra định hướng mới trong phát triển giáo dục của đất nước ta. Thực hiện Nghị quyết, giáo dục Việt Nam bước vào một giai đoạn đổi mới toàn diện nhằm đáp ứng những yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Trong tiến trình này, quản trị giáo dục có vai trò đặc biệt, then chốt, quyết định hiệu quả và chất lượng của việc triển khai chính sách, bảo đảm chất lượng giáo dục Việt Nam; góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng một xã hội học tập và nền tri thức Việt Nam.

## **2. Nội dung**

### ***2.1. Thực trạng quản trị giáo dục ở Việt Nam hiện nay***

#### *2.1.1. Những thành tựu đổi mới đã đạt được*

##### *Một là, mở rộng tự chủ đại học*

Các văn bản pháp luật được sửa đổi trong giai đoạn 2018 - 2019, như Luật sửa đổi Luật Giáo dục đại học 2018, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 - 12 - 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, và các quy định liên quan, đã thể chế hóa chủ trương trao quyền tự chủ rộng hơn cho các cơ sở giáo dục đại học. Quyền tự chủ này bao gồm các lĩnh vực như tổ chức, tuyển dụng, học chế và tài chính, với điều kiện phải bảo đảm trách nhiệm giải trình. Việc hoàn thiện hành lang pháp lý này đã tạo nền tảng vững chắc cho các trường công lập chuyển đổi từ hệ thống quản lý hành chính tập trung sang mô hình quản trị bán tự chủ.

Cơ chế tự chủ trong giáo dục đại học đã thúc đẩy một số trường đại học nâng cao khả năng tự tìm kiếm nguồn lực, gia tăng sự linh hoạt trong thiết kế chương trình học và mở rộng hợp tác quốc tế. Tuy vậy, quá trình chuyển đổi này vẫn đối diện với những thách thức lớn về năng lực quản trị, yếu tố thể chế, đòi hỏi nhiều sự cải thiện hơn.

##### *Hai là, quản lý và thực hiện chuyển đổi số trong ngành giáo dục*

Bên cạnh việc mở rộng quyền tự chủ, chuyển đổi số cũng đang dần trở thành động lực chiến lược trong ngành giáo dục. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 - 6 - 2020 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” đã xác định chuyển đổi số là một trong những

ưu tiên quốc gia. Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, các đề án cụ thể đã được triển khai tại Quyết định số 131/QĐ -TTg ngày 25 - 01 - 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”, cùng với bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cho cơ sở giáo dục.

Nhiều tỉnh, thành phố và các cơ sở giáo dục đã thực hiện các giải pháp mới như xây dựng hệ thống hồ sơ học sinh trực tuyến, nền tảng quản lý học sinh và thử nghiệm các hệ thống khảo thí điện tử. Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng ban hành bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số tại các trường mầm non và phổ thông nhằm thúc đẩy việc áp dụng công nghệ vào quản trị nhà trường. Một số mô hình như học bạ điện tử và hệ thống quản lý dữ liệu tập trung đã được triển khai thử nghiệm tại một số địa phương trong giai đoạn từ năm 2022 đến 2024, thể hiện những bước tiến cụ thể trong lộ trình số hóa của ngành giáo dục.

#### *Ba là, cải tiến kiểm tra và chuẩn hóa đề thi theo định hướng năng lực*

Trong những năm gần đây, giáo dục Việt Nam đã đổi mới theo hướng chuyển từ việc kiểm tra kiến thức thuần túy sang đánh giá năng lực và phẩm chất. Sự chuyển đổi này được thể hiện rõ trong các văn bản chính sách và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều quy định mới, đặc biệt về cấu trúc và định dạng đề thi, điển hình là Quyết định 764/QĐ-BGDĐT ngày 8 - 3 - 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về cấu trúc định dạng đề thi Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025; đồng thời, quy trình tổ chức, thanh tra, kiểm tra kỳ thi quốc gia cũng đã được cải thiện đáng kể. Các văn bản hướng dẫn này nhằm mục đích giảm áp lực thi cử, tăng độ tin cậy, và chuẩn hóa ngân hàng đề thi, tạo ra sự nhất quán hơn trong các kỳ đánh giá.

Bên cạnh đó, nhiều địa phương và trường học đã từng bước áp dụng phương pháp đánh giá học sinh theo định hướng năng lực thông qua các hình thức kiểm tra định kỳ và đánh giá ngay trong lớp học<sup>(1)</sup>. Điều này thúc đẩy tăng cường phản hồi học tập và phát triển toàn diện của học sinh.

#### *Bốn là, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý*

Đặt trọng tâm vào việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, Chính phủ đã triển khai các chương trình đào tạo và bồi dưỡng, xây dựng đề án phát triển giáo viên và cán bộ quản lý, đồng thời thúc đẩy các dự án hợp

tác quốc tế, như Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP) do Ngân hàng Thế giới (World Bank) hỗ trợ. Những nỗ lực này đã mở rộng quy mô đào tạo và nâng cao năng lực sư phạm của đội ngũ nhà giáo theo chuẩn mới. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đã cải thiện đáng kể qua từng năm, phản ánh những kết quả tích cực từ các chính sách này <sup>(2)</sup>.

Bên cạnh đó, Chính phủ triển khai quy hoạch mạng lưới trường học, đổi mới chính sách tuyển dụng và đưa ra các đề xuất cải cách chế độ lương thưởng, đãi ngộ. Một số chính sách đã được luật hóa nhằm tăng khả năng thu hút và giữ chân đội ngũ nhà giáo trong bối cảnh cạnh tranh nguồn nhân lực chất lượng cao. Những thay đổi này không chỉ tạo động lực cho đội ngũ viên chức trong ngành giáo dục mà còn góp phần xây dựng một hệ thống giáo dục hiện đại, bền vững.

### *2.1.2. Những hạn chế*

*Một là, hệ thống quản lý còn chậm đổi mới, phân cấp, phân quyền và phối hợp hoạt động giáo dục chưa thông suốt*

Dù đã có những bước tiến trong cải cách pháp lý, mô hình quản trị vẫn chịu tác động lớn từ tư duy quản lý hành chính kiểu tập trung; các văn bản pháp luật, quy định về thẩm quyền giữa các bộ, ngành và địa phương vẫn còn có những mâu thuẫn hoặc chồng chéo; chậm trễ trong phân công trách nhiệm, phân cấp, phân quyền kèm theo những thủ tục hành chính phức tạp, vẫn là một trong các rào cản của đổi mới hệ thống quản trị giáo dục. Điều này dẫn đến việc xử lý các quy trình như phê duyệt, quyết toán, phân bổ nguồn lực và sắp xếp tổ chức trở nên rườm rà, thiếu linh hoạt. Tình trạng quan liêu làm chậm quá trình thực hiện cơ chế tự chủ cũng như các cải cách nhằm đổi mới quản lý giáo dục tại địa phương.

*Hai là, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình còn yếu ở nhiều hoạt động*

Là một lĩnh vực thuộc hoạt động dịch vụ công, giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc phục vụ cộng đồng bằng những giá trị thiết thực. Điều này đòi hỏi các đối tượng sử dụng dịch vụ giáo dục phải được cung cấp đầy đủ và rõ ràng mọi thông tin liên quan đến dịch vụ mà họ lựa chọn. Đồng thời, các cơ sở giáo dục cần đưa ra những cam kết mang tính thực tế để bảo đảm rằng chất lượng dịch vụ mà họ cung cấp thực sự tương xứng với những kỳ vọng đã đề ra. Điều này không chỉ là trách

nhiệm mà còn là yếu tố quyết định trong việc xây dựng niềm tin nơi người thụ hưởng dịch vụ.

Sự minh bạch, công khai và trách nhiệm giải trình trong quản lý nhà nước cũng như quản trị các dịch vụ công là yếu tố cốt lõi để bảo đảm chất lượng cho người sử dụng dịch vụ giáo dục. Không chỉ vậy, đây còn là cơ sở xây dựng một môi trường cạnh tranh công bằng giữa các cơ sở giáo dục, buộc họ không ngừng tự cải tiến và hoàn thiện nhằm đáp ứng tốt hơn những nhu cầu ngày càng đa dạng của xã hội<sup>(3)</sup>. Chính sự cạnh tranh lành mạnh này sẽ trở thành động lực giúp các cơ sở giáo dục nâng cao chất lượng theo hướng bền vững và toàn diện nền giáo dục quốc gia.

*Ba là, bất bình đẳng trong tiếp cận số trong giáo dục*

Mặc dù có nhiều chương trình thúc đẩy chuyển đổi số, thực tế vẫn tồn tại một khoảng cách đáng kể trong khả năng tiếp cận thiết bị công nghệ, internet, dữ liệu số cũng như môi trường hỗ trợ học trực tuyến, đặc biệt tại các khu vực nông thôn, miền núi và nơi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Thực trạng này trở nên rõ ràng nhất trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 bùng phát ở nước ta, khi hàng trăm nghìn học sinh không thể tiếp cận hình thức học trực tuyến một cách đầy đủ. Tình trạng thiếu hụt về thiết bị, kém kết nối, cũng như hạn chế trong năng lực hỗ trợ giáo dục số ở các gia đình và địa phương là những vấn đề trọng yếu. Nếu không có biện pháp khắc phục hiệu quả, việc chuyển đổi số trong giáo dục rất có thể sẽ dẫn đến sự gia tăng bất bình đẳng trong học tập.

*Ba là, quản trị giáo dục chưa bắt kịp tốc độ chuyển đổi số và đổi mới của quốc gia*

Bên cạnh vấn đề về cơ sở hạ tầng, tồn tại nhiều thách thức khác, như thiếu khung pháp lý phù hợp, sự chưa hoàn thiện trong quy trình tổ chức thi cử hay vận hành hệ thống công nghệ thông tin trên quy mô quốc gia về giáo dục. Ngoài ra, chuẩn mực liên quan đến bảo mật và quản lý dữ liệu số còn thiếu đồng bộ. Hệ quả là việc triển khai chuyển đổi số, chẳng hạn như thi trên máy tính diện rộng hay xây dựng học bạ số quốc gia, thường diễn ra một cách “kỹ thuật”, nhỏ lẻ mà chưa có sự chuẩn bị đồng bộ, hệ thống, đầy đủ về mặt pháp lý, năng lực nhân sự cùng quy trình kiểm tra, giám sát...

*Bốn là, chênh lệch năng lực quản trị giữa các cơ sở giáo dục, địa phương*

Sự thiếu đồng đều trong năng lực quản trị giữa các địa phương và giữa các cơ sở giáo dục, đặc biệt giữa các đô thị lớn và khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa, đã ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi các chính sách như tự chủ giáo dục, đổi mới chương trình học và chuyển đổi số. Vì vậy, cần sự đầu tư mạnh mẽ hơn trong việc nâng cao năng lực quản trị, xây dựng hệ thống kiểm định chất lượng nội bộ và chuyên nghiệp hóa vai trò quản lý tại các cấp quản trị giáo dục, các cơ sở giáo dục để bảo đảm sự phát triển công bằng và bền vững trong toàn ngành giáo dục.

Tóm lại, quản trị giáo dục ở Việt Nam đã có những đổi mới như tự chủ đại học, chuyển đổi số, cải tiến công tác kiểm định, nâng cao chất lượng... Tuy nhiên, vẫn tồn tại hạn chế như cơ chế hành chính phức tạp, một số khâu còn thiếu minh bạch, trách nhiệm giải trình thấp, bất bình đẳng trong chuyển đổi số.

## **2.2. Nội dung cốt lõi về quản trị giáo dục trong Nghị quyết 71-NQ/TW**

*Một là, Nghị quyết 71-NQ/TW đặt ra mục tiêu cải cách toàn diện hệ thống giáo dục, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển quốc gia đến năm 2045*

Văn kiện này khẳng định: “Tập trung hoàn thiện các quy định pháp luật để kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, cơ chế, chính sách; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi pháp luật; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và kiến tạo phát triển giáo dục và đào tạo”<sup>(4)</sup>. Xác định rõ mục tiêu cần đạt được trong quản trị là: “Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục gắn với kiểm tra, giám sát hiệu quả; giảm đầu mối cơ quan quản lý đối với các cơ sở giáo dục, bảo đảm nguyên tắc gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và tài chính, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp”<sup>(5)</sup>. Nghị quyết nhấn mạnh, quá trình đổi mới quản trị giáo dục cần đồng bộ với các cải cách thể chế, tạo không gian phát triển mới nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của quá trình công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế của đất nước.

*Hai là, Nghị quyết 71- NQ/TW đề cao quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục, bao gồm đại học và giáo dục nghề nghiệp*

Nghị quyết khẳng định: “Bảo đảm quyền tự chủ đầy đủ, toàn diện cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp không phụ thuộc vào mức độ tự chủ tài chính”<sup>(6)</sup>. Quyền tự chủ này không phụ thuộc hoàn toàn vào mức độ tự chủ tài chính, nhưng phải được gắn chặt với trách nhiệm giải trình và kiểm định chất lượng. Các

cơ sở giáo dục được yêu cầu tuân thủ cơ chế giám sát và đánh giá dựa trên chuẩn mực chung, tránh tình trạng tự chủ không chịu trách nhiệm. Cùng với đó, các chính sách mang tính đặc thù, vượt trội, liên quan đến kiểm định chất lượng và giám sát sẽ được triển khai nhằm bảo đảm hiệu quả quản trị giáo dục.

“

**Thực hiện một cách toàn diện và hiệu quả Nghị quyết 71- NQ/TW, Việt Nam sẽ phát triển một hệ thống giáo dục vừa hiện đại, vừa mang đậm tính nhân văn, góp phần nâng cao năng lực hội nhập quốc tế và bảo đảm sự phát triển lâu dài, bền vững cho nền giáo dục quốc gia.**

*Ba là, tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong quản trị giáo dục.* Nghị quyết khẳng định: “Xây dựng chiến lược dữ liệu phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển nền tảng giáo dục quốc gia ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát; bố trí đủ nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ để đẩy nhanh chuyển đổi số, phổ cập và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học trên phạm vi cả nước”<sup>(7)</sup>. Nghị quyết đề cập đến việc chuyển đổi số toàn diện và đẩy mạnh phổ cập ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) vào hệ thống giáo dục và đào tạo. Nghị quyết đặc biệt nhấn mạnh mục tiêu xây dựng một hệ thống giáo dục số quốc gia, đồng thời thúc đẩy việc thu thập, kết nối, chia sẻ dữ liệu lớn nhằm hỗ trợ hoạt động quản trị, giám sát và đánh giá chất lượng giáo dục, qua đó tạo nền tảng cho quá trình ra quyết định hiệu quả và liên tục cải tiến hệ thống quản lý. Nghị quyết đặt ra yêu cầu số hóa và ứng dụng AI như những yếu tố trọng tâm trong đổi mới nền giáo dục quốc gia. Đây không chỉ là định hướng chiến lược mà còn là trụ cột quan trọng để tạo sự thay đổi căn bản về chất lượng và phương thức quản lý ngành giáo dục.

*Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục với năng lực cải cách*

Nghị quyết khẳng định: “Rà soát, hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, bảo đảm số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên; bố trí đủ số lượng biên chế giáo viên, nhân viên theo tiêu chuẩn quy định; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; đẩy mạnh thực hiện chính sách ưu đãi, thu hút học sinh giỏi theo học ngành sư phạm; xây dựng nhà công vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên ở xa tới công tác”<sup>(8)</sup>. Nghị quyết đề xuất các chính sách mang tính đột phá, nâng mức phụ cấp ưu đãi nghề đối với giáo viên mầm non và phổ thông;

chính sách lương thưởng, đãi ngộ, cùng quy trình tuyển dụng dựa trên vị trí việc làm được điều chỉnh để phù hợp hơn với năng lực thực tế và đặc thù ngành nghề.

Bên cạnh đó, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực quản lý không chỉ dành cho cán bộ trường học mà còn mở rộng đến những người chịu trách nhiệm quản lý tại địa phương. Đây được xem là điểm nhấn then chốt để bảo đảm rằng sự đổi mới trong quản trị giáo dục không chỉ đến từ việc thay đổi hạ tầng vật chất mà còn từ phát triển nguồn nhân lực giáo dục; xây dựng đội ngũ quản lý có năng lực phù hợp sẽ đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện thành công cải cách giáo dục.

### ***2.3. Định hướng giải pháp đổi mới quản trị giáo dục***

Nghị quyết 71-NQ/TW được xây dựng với tầm nhìn chiến lược và những bước đi thực tiễn nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện hệ thống giáo dục Việt Nam. Cụ thể:

#### *Thứ nhất, hoàn thiện triết lý quản trị giáo dục*

Triết lý quản trị giáo dục cần được tiếp tục hoàn thiện theo hướng toàn diện, nhân văn và hiện đại, như đã nhấn mạnh trong Nghị quyết 71-NQ/TW, với mục tiêu: “chỉ số HDI đạt trên 0,85; chỉ số vốn con người và nghiên cứu đóng góp vào chỉ số GII đạt trên mức bình quân của các nước có thu nhập trung bình cao. Phần đầu ít nhất 2 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín”<sup>(9)</sup>. Điều này cho thấy mục tiêu quản trị giáo dục không chỉ dừng ở việc nâng cao hiệu quả dạy học, mà còn tập trung đào tạo con người toàn diện, có khả năng linh hoạt, thích nghi với xã hội số. Trước sự thay đổi không ngừng của khoa học công nghệ như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và quá trình tự động hóa, triết lý này hướng tới phát triển năng lực sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ năng công nghệ thông tin và ý thức công dân toàn cầu. Điều này giúp người học chuẩn bị tốt hơn cho các thách thức và cơ hội trong tương lai.

#### *Thứ hai, đổi mới thể chế quản trị giáo dục*

Một giải pháp then chốt cần luật hóa cơ chế tự chủ đi kèm với trách nhiệm giải trình, tạo nền móng cho sự vận hành hiệu quả trong quản trị giáo dục. Nghị quyết 71-NQ/TW đặc biệt nhấn mạnh đến việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục gắn với kiểm tra, giám sát hiệu quả<sup>(10)</sup>. Điều này không chỉ bảo đảm tính minh bạch mà còn

định hướng đến sự cải cách giáo dục bền vững. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện các quy định liên quan đến kiểm soát tài chính và kiểm định chất lượng, nhằm bảo đảm mọi hoạt động của cơ sở giáo dục đều được giám sát chặt chẽ bởi cả xã hội lẫn cơ quan chức năng.

### *Thứ ba, ứng dụng chuyển đổi số trong quản trị giáo dục*

Chuyển đổi số được coi là hạt nhân thúc đẩy đổi mới giáo dục trong bối cảnh hiện nay. Nghị quyết 71-NQ/TW xác định phải xây dựng chiến lược dữ liệu phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển nền tảng giáo dục quốc gia ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát<sup>(11)</sup>. Việc xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia kết nối từ trung ương đến địa phương sẽ tạo nền tảng hỗ trợ học tập suốt đời. Công nghệ trí tuệ nhân tạo có khả năng phân tích dữ liệu để đưa ra khuyến nghị chính sách phù hợp hoặc phát hiện sớm những nguy cơ tụt hậu về học tập. Đồng thời, công nghệ blockchain có thể được áp dụng để xác thực văn bằng, chứng chỉ và nâng cao tính minh bạch trong quản lý tài chính. Đây không chỉ là yếu tố giúp tăng cường hiệu quả quản trị mà còn góp phần tạo nên niềm tin của xã hội đối với hệ thống giáo dục. Những định hướng giải pháp này là lời đáp cho nhu cầu đổi mới hệ thống giáo dục trong kỷ nguyên công nghệ, mở ra một cách tiếp cận tích cực, phù hợp với xu thế phát triển toàn cầu.

### *Thứ tư, phát triển đội ngũ cán bộ quản trị giáo dục và nhà giáo để triển khai thành công các mục tiêu được đề ra trong Nghị quyết 71-NQ/TW*

Nghị quyết khẳng định tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách ưu đãi, thu hút học sinh giỏi theo học ngành sư phạm; xây dựng nhà công vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên ở xa tới công tác. Để đáp ứng yêu cầu này, cần thiết lập các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực quản trị ở nhiều khía cạnh như quản trị kỹ thuật số, quản trị chiến lược và quản trị nhân sự, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ. Song song đó, việc xây dựng cơ chế tuyển chọn, sử dụng và chế độ đãi ngộ đội ngũ nhà giáo một cách hợp lý, nhằm khuyến khích các cán bộ quản lý và nhà giáo có tư duy năng động, sáng tạo và sẵn sàng áp dụng các mô hình quản trị hiện đại trong giáo dục.

### *Thứ năm, bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục*

Nghị quyết 71-NQ/TW nhấn mạnh: “Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hóa, hiện đại hóa trường, lớp học; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM,

không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất”<sup>(12)</sup>. Cần cụ thể hóa thông qua chính sách hỗ trợ có tính đặc thù của địa phương, của ngành để triển khai đầu tư hạ tầng công nghệ, trang thiết bị và đường truyền internet tốt hơn cho những vùng khó khăn; hỗ trợ đối tượng học sinh yếu thể tiếp cận nguồn tài nguyên học tập số; đồng thời phát triển nội dung số phù hợp và đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người học.

### *Thứ sáu, tăng cường quản trị hội nhập quốc tế trong giáo dục*

Các chủ thể giáo dục cần mở rộng, đa dạng hoá và làm sâu sắc hơn các cơ chế hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học<sup>(13)</sup>; chủ động xúc tiến, thúc đẩy hợp tác quốc tế nhằm tiếp nhận và triển khai các mô hình quản trị giáo dục tiên tiến từ các quốc gia phát triển. Đồng thời, sự chủ động của Việt Nam trong việc tham gia vào các diễn đàn, mạng lưới nghiên cứu, và các sáng kiến toàn cầu sẽ góp phần nâng cao chất lượng quản trị hệ thống giáo dục. Thông qua việc chia sẻ kinh nghiệm, tăng cường trao đổi học thuật và xây dựng liên kết đào tạo, Việt Nam không chỉ tiệm cận các chuẩn mực giáo dục quốc tế mà còn khẳng định vai trò và vị thế giáo dục của mình trong khu vực và trên trường thế giới.

### **3. Kết luận**

Đổi mới quản trị giáo dục đóng vai trò then chốt, mang tính đột phá trong quá trình hiện thực hóa thành công Nghị quyết 71-NQ/TW. Nỗ lực này không chỉ đòi hỏi sự chuyển biến về tư duy giáo dục mà còn yêu cầu triển khai các cải cách sâu rộng về thể chế và phương thức quản lý. Thực hiện một cách toàn diện và hiệu quả Nghị quyết, Việt Nam sẽ phát triển một hệ thống giáo dục vừa hiện đại, vừa mang đậm tính nhân văn, góp phần nâng cao năng lực hội nhập quốc tế và bảo đảm sự phát triển lâu dài, bền vững cho nền giáo dục quốc gia.

---

*Ngày nhận bài: 23-11-2025; Ngày bình duyệt: 15-12-2025;*

*Ngày duyệt đăng: 12-01-2026.*

*Email tác giả: [giangtth@hnue.edu.vn](mailto:giangtth@hnue.edu.vn)*

(1) Bùi Đức Nhân: *Xu hướng đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh hướng đến hình thành năng lực*, Tạp chí Khoa học trường Đại học Thủ đô Hà Nội, số 69, 2 - 2023, tr.25.

(2) Võ Kiều Dung: *Training the educators for Vietnam's future growth*, (Đào tạo đội ngũ giáo viên cho sự phát triển tương lai của Việt Nam), ngày 02 - 12 - 2022, <https://blogs.worldbank.org>.

(3) Chu Hồng Thanh: *Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà nước về giáo dục*, số ra ngày 05/01/2021, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam, <https://lsvn.vn>.

(4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13) Bộ Chính trị: *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 - 8 - 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>.